

Bản án số: 334/2021/HS-ST

Ngày: 22/9/2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Khắc Kiếm
2. Bà Nguyễn Thị Minh Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Trần Minh Phương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 353/2021/HSST ngày 20 tháng 8 năm 2021 theo “Quyết định đưa vụ án ra xét xử” số 350/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2021; “Quyết định hoãn phiên tòa” số 106 ngày 14/9/2021 và “Thông báo thay thế người tiến hành tố tụng” số 106 ngày 14/9/2021 đối với:

Bị cáo Nguyễn Ngọc C ; Sinh năm: 1975

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Số ... khu A, MB ..., phường ĐH, Tp. TH, tỉnh TH; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Ngọc H (đã chết) và bà Trần Thị V (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị Y (đã ly hôn); Có 01 con, sinh năm 2002

Tiền án: Ngày 17/7/2001, bị tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 15/12/2001; Ngày 08/10/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Ngày 26/9/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 27 tháng tù về tội “Đánh bạc”; Ngày 19/01/2012 bị Tòa án dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 07 năm về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Tổng hợp với 26 tháng 21 ngày tù của bản án số 246 ngày 26/9/2011 buộc chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 năm 02 tháng 21 ngày tù. Chấp hành án xong ngày 16/12/2020.

Tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (Có mặt)

Người bị hại: Phạm Thị Hợp , sinh năm 1963 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số nhà 16B/5 Nguyễn Thượng Hiền, phường Trường Thi, Tp Thanh Hóa

Người có QLNVLQ: Chị Lê Thị Nho, sn 1959 (*Vắng mặt*)

Trú tại: MB 934, phố Lê Môn, phường Đông Hải, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 21/5/2021, Nguyễn Ngọc C điều khiển xe mô tô kiểm soát 36B2-119.21 (mượn của Nguyễn Ngọc Nam, sinh năm 1993, trú tại MB 934, phố Lê Môn, phường Đông Hải, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa), đi đến khu vực Phủ Bà, (phường Trường Thi, Tp Thanh Hóa). Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi qua số nhà 16B/5 Nguyễn Thượng Hiền, phường Trường Thi, Tp Thanh Hóa, C nhìn thấy xe mô tô kiểm soát 18K1-068.31 của chị Phạm Thị Hợp, sinh năm 1963 (trú tại địa chỉ trên) đang dừng trước nhà, chìa khóa cắm ở ổ khóa xe nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe để sử dụng. C mang xe mô tô của mình dừng ở cổng Phủ Bà (cách đó khoảng 50m) rồi đi bộ qua lại trước nhà chị Hợp để quan sát, thấy xe mô tô của chị Hợp không có người trông coi, C đã dắt xe của chị Hợp xuống đường và điều khiển xe đi về nhà anh trai là Nguyễn Ngọc Hùng (vợ là Lê Thị Nho), ở địa chỉ: MB 934, phố Lê Môn, phường Đông Hải, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. C để xe trộm cắp được ở nhà rồi nhờ cháu là Nguyễn Ngọc Nam chở quay lại Phủ Bà, C vào lấy xe mô tô của mình đi về nhà. Sau đó, C tháo biển kiểm soát và giá đỡ của xe mô tô trộm cắp được cất giấu vào phòng, xe C để ngoài hè.

Đến 20 giờ cùng ngày, Công an phường Trường Thi đã đến nhà, đưa C cùng 02 xe mô tô trên về trụ sở làm việc.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Ngọc C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của C phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án

Tại kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐĐGTS ngày 27/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân TP. Thanh Hóa, kết luận: 01 (một) xe máy mô tô hãng HONDA, nhãn hiệu WAVE RSX, biển kiểm soát 18K1-068.31, màu đỏ, đen, bạc, đã qua sử dụng, có giá trị là 4.500.000 đồng (*bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

Vật chứng vụ án: Ngày 02/7/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã trả lại chiếc xe mô tô kiểm soát 18K1-068,31, cho chủ sở hữu là chị Phạm Thị Hợp. Chị Hợp đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì thêm.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B2-119.21 là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị Nho, sinh năm 1969 (trú tại số 119 khu A, MB 934, phường Đông Hải, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) mua cho con trai là Nguyễn Ngọc Nam làm phương tiện đi lại. Chị Nho và Nam đều không biết bị cáo mượn xe này để đi trộm cắp tài sản, do đó Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô biển kiểm soát 36B2-119.21 cho chị Nho. Chị Nho nhận tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Sau khi trộm cắp xe của chị Hợp, C đã đem xe về nhà anh Hùng chị Nho và nói xe C mua. Anh Hùng, chị Nho không biết xe mô tô BKS 18K1-068.31 do C trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Hùng, chị Nho.

Tại bản cáo trạng số 242/CTr-VKSTPTH ngày 18 tháng 8 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố Nguyễn Ngọc C về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 - của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc C phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Xử phạt Nguyễn Ngọc C từ 36 đến 42 tháng tù; Phần dân sự không có yêu cầu nên không xét; Bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Ngọc C thừa nhận hành vi phạm tội và xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật với mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 21/5/2021, tại trước số nhà 16B/5 Nguyễn Thượng Hiền, phường Trường Thi, Tp Thanh Hóa, Nguyễn Ngọc C đã có hành vi lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý trông coi tài sản, C đã lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô kiểm soát 18K1-068.31 của chị Phạm Thị Hợp nhằm mục đích sử dụng. Tài sản C trộm cắp trị giá 4.500.000đ (*bốn triệu năm trăm ngàn đồng*). Căn cứ hành vi của bị cáo và kết luận định giá tài sản, đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Ngọc C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý, do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người đúng tội đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất nghiêm trọng, bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc trông coi quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản là 01 xe mô tô của chị Nguyễn Thị Hợp. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự trị an trong khu vực, thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo.

[3] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Tình tiết “Tái phạm nguy hiểm” của bị cáo đã được xác định là tình tiết định khung hình phạt do đó bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 - BLHS

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo; Tài sản bị cáo trộm cắp đã trả lại đầy đủ cho người bị hại; Người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51- Bộ luật hình sự. Vì vậy, HĐXX xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án nhưng không ăn năn hối cải, không sửa chữa lỗi lầm mà tiếp tục phạm tội, thể hiện sự coi thường pháp luật và không thể tự cải tạo bản thân. Vì vậy cần cách ly bị cáo khỏi đời sống cộng đồng xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và để phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không có yêu cầu về dân sự nên HĐXX không xét.

[5] Về vật chứng: Đối với xe mô tô BKS 18K1-068.31 bị cáo trộm cắp, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu Phạm Thị Hợp; Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 36B2-119.21, là tài sản hợp pháp của chị Lê Thị Nho mua cho con Nguyễn Ngọc Nam. Chị Nho và Nam đều không biết bị cáo mượn xe này dùng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, Cơ quan điều tra đã trả cho chị Nho, như vậy là đúng quy định tại Điều 106 Bộ luật TTHS.

[6] Sau khi trộm cắp xe của chị Hợp, C đã đem xe về để tại nhà anh Hùng chị Nho và nói xe do C mua. Anh Hùng, chị Nho không biết xe mô tô BKS 18K1-068.31 là tài sản do C trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Hùng, chị Nho, như vậy là đúng quy định của pháp luật.

[7] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 BLTTHS; khoản 1 điều 21; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016;

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 - của Bộ luật hình sự

- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Ngọc C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt: Nguyễn Ngọc C 33 (ba mươi ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án

- Về bồi thường dân sự: Người bị hại không có yêu cầu, HĐXX không xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 99 BLTTHS; khoản 1 điều 21; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc C phải chịu 200.000đ án phí HSST.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Ngọc C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Phạm Thị Hợp, chị Lê Thị Nho có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các điều 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- VKVND TP Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Nga